

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

*

Bản án số: 208/2019/HS-ST

Ngày: 29-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Đỗ Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Hồ Lương A, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1966 tại Bình Thuận. Nơi ĐKKHKT: Khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: thôn D, xã E, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Con ông Hồ F - Sinh năm 1945. Nghề nghiệp: Làm nông và bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1948. Nghề nghiệp: Làm nông. Hiện trú tại xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vợ: bà Nguyễn Thị Thùy I, sinh năm 1970. Nghề nghiệp: Làm nông. Hiện trú tại thôn D, xã E, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận. Con có 04 người: lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/3/2017, đến ngày 20/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-VKS đối với bị cáo. Ngày 29/6/2017, bị cáo được đưa đi bắt buộc chữa bệnh nội trú tại Viện Pháp y tâm thần trung ương J cho đến ngày 26/7/2019 bị cáo ra viện. Ngày 23/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn

chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (tại thôn D, xã E, thành phố PT). Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Phạm Quốc K, sinh năm 1945 - Văn phòng Luật sư Phạm Quốc K thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*** Người bị hại:**

Ông Đoàn Đình L, sinh năm: 1966 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Đồng Nai

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Thùy I, sinh năm: 1970 (có mặt)

Trú tại: thôn D, xã E, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

*** Người làm chứng:**

- Bà Bùi Thị P, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Trú tại: số 72A đường Q, phường R, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng

- Ông Trần Thanh T, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Trú tại: số 135 đường S, phường R, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng

- Ông Hồ Văn U, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Viết AA, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Trú tại: số 6/23/3B đường số BB, khu phố CC, phường DD, Quận EE, tp Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Hoàng Sơn FF, sinh năm: 1979 (trước đây là cán bộ địa chính Xã GG, tp PT, Bình Thuận) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: thôn Tiên Hải, Xã GG, tp PT, tỉnh Bình Thuận

- Bà Nguyễn Thị Bích HH, sinh năm: 1990 – Cán bộ địa chính xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu năm 2008, Hồ Lương A vào huyện O, tỉnh Đồng Nai thăm bạn, tình cờ A gặp Đoàn Đình L là bạn học thời trung học phổ thông tại huyện H, tỉnh Bình Thuận. Qua nói chuyện A cho biết tại thành phố PT có một số đất rẫy, nếu L muốn mua thì A sẽ để lại. Sau cuộc gặp gỡ này, ông L ra PT chơi và được A dẫn lên xem đất tại Xã GG, thành phố PT. A nói đất có diện tích khoảng 1,8 ha, nếu ông L mua sẽ để lại với giá 55.000.000 đồng, thêm 5.000.000 đồng A sẽ trồng cây keo trên đất, tổng cộng là 60.000.000 đồng nhưng A bớt cho ông L 1.000.000 đồng vì chỗ bạn bè; toàn bộ giấy tờ để ông L đứng tên do A chịu trách nhiệm, ông L đồng ý nên đã đặt cọc trước 2.000.000 đồng. Đến ngày 16/3/2008, ông L giao tiếp cho A số tiền 38.000.000 đồng tại nhà của ông L và đến ngày 19/3/2008, ông L ra PT giao hết số tiền còn lại là 19.000.000 đồng. Việc mua bán đất tại Xã GG, thành phố PT giữa ông L và A có lập hợp đồng sang nhượng đất đề ngày 14/3/2008 (Bút lục số 166).

Sau khi nhận đầy đủ tiền và chờ làm giấy tờ đất tại Xã GG, thành phố PT, Hồ Lương A có giới thiệu và dẫn ông Đoàn Đình L đi xem đất tại xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận. A nói nếu ông L muốn mua thì sẽ để lại với giá 100.000.000 đồng/mẫu. Ông L đồng ý mua và đặt cọc 60.000.000 đồng. Việc mua bán thửa đất này giữa ông L và A có lập Hợp đồng kinh tế đề ngày 12/10/2008 và A cũng sẽ làm giấy tờ sang nhượng chủ quyền cho ông L (Bút lục số 169).

Do đã quá lâu không thấy có kết quả nên vào ngày 22/02/2011, ông Đoàn Đình L làm đơn khiếu nại, tố cáo Hồ Lương A đến Công an thành phố PT; quá trình điều tra cụ thể như sau:

Đối với thửa đất Hồ Lương A bán cho ông Đoàn Đình L tại Xã GG, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận: Là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2, diện tích 1,4 ha thuộc thôn II, Xã GG, thành phố PT. Nguồn gốc đất này do ông Nguyễn Văn JJ (sinh năm 1962, trú tại thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận) khai hoang và trồng xà cừ. Khoảng năm 2006, ông JJ đã sang nhượng lại cho A với số tiền là 15.000.000 đồng.

Trước khi bán thửa đất nêu trên cho ông Đoàn Đình L vào năm 2008 thì vào năm 2007, bà Bùi Thị P (trú tại 72A Q, phường R, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng) nhờ Hồ Lương A mua đất có diện tích khoảng mấy hec-ta tại Xã GG, thành phố PT, A nói có người muốn bán đất nên bà P rủ ông Trần Thanh T (trú tại 135 đường S, phường R, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng) cùng đặt mua 05 ha. Theo đó, bà P mua 03 ha với giá 45.000.000 đồng/ha; ông T mua 02 ha với giá 50.000.000 đồng/ha; việc mua bán đất giữa bà P, ông T với A có lập giấy mua bán đất đề ngày 23/11/2007 (Bút lục số 292). Theo thỏa thuận, bà P đã đặt cọc cho A số tiền 70.000.000 đồng, còn ông T đã đặt cọc 50.000.000 đồng. Khi bà P, ông T cùng A xuống thực địa thì biết được đất chỉ có diện tích khoảng 1,8ha nhưng bà P, ông T vẫn đồng ý mua, số tiền đặt cọc trước đó xem như là số tiền mua thửa đất này; toàn bộ việc làm thủ tục chuyển nhượng sang tên do A chịu trách nhiệm và bà P thống nhất để cho ông T đứng tên. Sau khi mua đất đã lâu nhưng A không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vào khoảng năm 2009, ông T ra PT trực tiếp làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do thửa đất trên là đất khai hoang, không đăng ký sử dụng đất với chính quyền địa phương qua các thời kỳ nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặc khác theo thỏa thuận, A có trách nhiệm làm thủ tục giấy tờ nhưng A không làm được nên ông T yêu cầu A trả lại tiền. Đến năm 2010, A có dẫn ông Nguyễn Chiến KK là em của vợ chồng A (ông KK hiện đang định cư tại Mỹ) đến gặp ông T để liên hệ mua lại thửa đất trên với giá 180.000.000 đồng, ông T đồng ý và đã nhận đủ 180.000.000 đồng. Việc A đã bán thửa đất trên cho bà P và ông T, A không nói cho ông Đoàn Đình L nên ông L không biết (Bút lục số 133-175, 288- 304, 355-375).

Đối với thửa đất Hồ Lương A bán cho ông Đoàn Đình L tại xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận: Là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 45, diện tích 47.996,2 m² thuộc địa phận thôn Phú Sơn, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận. Nguồn gốc đất này là do UBND xã Y quản lý thuộc khu đất bảo vệ rừng đầu nguồn khe Bà Màng. Sau đó ông U lấn chiếm và gia đình ông sử dụng canh tác. Vào khoảng năm 2005 và năm 2006, A có đến gặp ông U để mua thửa đất này nhưng ông U không bán. Sau đó, A mới bàn với

ông U trồng cây keo, cây xà cừ, toàn bộ chi phí trồng cây là do A chịu trách nhiệm, khi thu hoạch thì chia nhau tiền thu hoạch. Khi tiến hành phát hoang trồng cây thì A bị Ủy ban nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Thuận lập biên bản và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z quản lý vì thửa đất này thuộc khu đất bảo vệ rừng đầu nguồn Khe Bà Màng nên không được mua bán, chuyển nhượng và không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy thửa đất này không thuộc quyền sử dụng của A nhưng A vẫn bán cho ông L (Bút lục số 283- 287, 365, 378 -382, 402- 407).

Trong quá trình tạm giam để điều tra, gia đình Hồ Lương A cung cấp thông tin trước đây A bị bệnh thần kinh và có thời gian điều trị tại Bệnh viện tâm thần J. Kết quả xác minh do Bệnh viện tâm thần J cung cấp thông tin: Hồ Lương A có điều trị nội trú tại bệnh viện từ ngày 28/7/2003 đến ngày 24/9/2003; chuẩn đoán bệnh: loạn tâm thần thực tổn.

Ngày 04/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thành phố PT đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 287 để giám định tâm thần đối với Hồ Lương A.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 258/KL-VPYTW ngày 12/6/2017 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương J kết luận:

-Về Y học:

+ Trước, trong và sau khi gây án: đương sự bị bệnh Rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn (F006.6-IDC.10).

+ Hiện nay: Đương sự bị bệnh Rối loạn stress sau sang chấn / Rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn (F43.1 / F06.6- ICD.10).

-Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đương sự chưa đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật.

Do Hồ Lương A bị bệnh rối loạn stress sau sang chấn và chưa đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố PT đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án hình sự số 21 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 03 cùng ngày 20/6/2017 đối với Hồ Lương A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 160 Bộ luật hình sự và đã áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Hồ Lương A tại Viện pháp y tâm thần Trung ương J (Quyết định số 01/QĐ-VKS ngày 20/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT).

Ngày 29/6/2017, A được đưa đi bắt buộc chữa bệnh điều trị nội trú tại Viện pháp y tâm thần Trung ương J.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 383/KL-VPYTW ngày 15/7/2019 của Viện Pháp y Tâm thần Trung ương J kết luận:

+ Bị bệnh: Rối loạn stress sau sang chấn/Rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn (F43.1 / F06.6- ICD.10).

+ Hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa. Đương sự đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan bảo vệ pháp luật.

Ngày 19/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố PT ra quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự số 13 “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra số 21 ngày 20/6/2017. Và Quyết định phục hồi điều tra bị can số 09 ngày 19/7/2019, đối với A và hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can số 03 ngày 20/6/2017.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh số 01/QĐ-VKS ngày 23/7/2019.

Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Thùy I là vợ của Hồ Lương A tự nguyện bồi thường với tổng số tiền 119.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tiền cho ông Đoàn Đình L; ông L đã nhận 119.000.000 đồng và viết đơn bãi nại cho A (Bút lục số: 393 – 400).

Tại Bản cáo trạng số 158/CT-VKS-PT ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT đã truy tố bị cáo Hồ Lương A về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố PT phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo A là người có bệnh rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tổn, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, gia đình tự nguyện bồi thường tiền để khắc phục hậu quả và được người bị hại bãi nại, nhân thân không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án tù từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Căn cứ vào Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1999, thời gian A bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị Thùy I là vợ của Hồ Lương A tự nguyện bồi thường với tổng số tiền 119.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố PT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tiền cho ông Đoàn Đình L; ông L đã nhận 119.000.000 đồng và không có yêu cầu gì nên không xét.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, khi phạm tội bị cáo bị bệnh rối loạn cảm xúc không ổn định, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, gia đình tự nguyện bồi thường tiền để khắc phục hậu quả và được người bị hại bãi nại, nhân thân không có tiền án, tiền sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, tuy nhiên bị cáo cho rằng bị cáo không có ý định chiếm đoạt tiền của bị hại, không lừa dối bị hại.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thấy việc làm của bị cáo là sai nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hứa sẽ trở thành công dân tốt, tuân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Người bào chữa, Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố PT, tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập theo quy định của pháp luật có tại hồ sơ đủ cơ sở để kết luận:

Vào năm 2007, Hồ Lương A bán thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2, diện tích 1,4 ha tại thôn II, Xã GG, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận cho bà Bùi Thị P và ông Trần Thanh T. Trong thời gian làm thủ tục giấy tờ theo như đã thỏa thuận giữa bà P, ông T với A thì vào năm 2008, A tạo ra thông tin gian dối với ông Đoàn Đình L là có đất tại thôn II, Xã GG, thành phố PT (là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2, diện tích 1,4 ha) nên ông L tưởng thật nên đồng ý mua với số tiền 59.000.000 đồng, A nhận tiền của ông L rồi chiếm đoạt.

Cũng với thủ đoạn trên, Hồ Lương A tiếp tục nói dối ông Đoàn Đình L có đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 45, diện tích 47.996,2 m² thuộc địa phận thôn Phú Sơn, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận nhưng thực chất đất này do UBND xã Y quản lý thuộc khu đất bảo vệ rừng đầu nguồn khe Bà Màng nhưng A vẫn bán cho ông L với số tiền 100.000.000 đồng/ha, ông L đồng ý và đặt cọc với số tiền 60.000.000 đồng, A nhận tiền rồi chiếm đoạt.

Như vậy, Hồ Lương A đã chiếm đoạt của ông Đoàn Đình L với tổng số tiền là 119.000.000 đồng.

Hồ Lương A chiếm đoạt với tổng số tiền 119.000.000 đồng của ông Đoàn Đình L là “chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét thấy, trước, trong và sau khi gây án bị cáo bị rối loạn cảm xúc không ổn định (suy nhược) thực tồn, tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng không có ý định chiếm đoạt tiền của bị hại, không lừa dối bị hại nhưng đây chỉ là ý chí chủ quan của bị cáo, không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên không được chấp nhận. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố PT truy tố bị cáo theo khung hình phạt và điều luật như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy, bị cáo ý thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng bị cáo đã tạo ra thông tin gian dối với ông L là có đất tại thôn II, Xã GG, thành phố PT (là thửa đất số 9, tờ bản đồ số 2, diện tích 1,4 ha) nên ông L tưởng thật đồng ý mua với số tiền 59.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền của ông L rồi chiếm đoạt. Cũng với thủ đoạn trên, bị cáo tiếp tục nói dối ông L có đất tại thửa số 44, tờ bản đồ số 45, diện tích 47.996,2 m² thuộc thôn Phú Sơn, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận nhưng thực chất đất này do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Thuận quản lý nhưng A vẫn bán cho ông L với số tiền 100.000.000 đồng/ha, ông L đồng ý và đặt cọc với số tiền 60.000.000 đồng, bị cáo nhận tiền rồi chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo sống tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình, vợ bị cáo tự nguyện bồi thường tiền để khắc phục hậu quả và được người bị hại bãi nại, nhân thân không có tiền án, tiền sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 02 lần thực hiện thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của ông L, lần 59.000.000 đồng, lần 60.000.000 đồng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh vào thời hạn chấp hành hình phạt tù cho bị cáo là có căn cứ.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo trước, trong

và sau khi gây án bị rối loạn cảm xúc không ổn định thực tổn, tại thời điểm gây án bị cáo bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Do vậy, buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam cộng với thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh là đạt được mục đích của hình phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/3/2017 cho đến ngày 28/6/2017 (thời gian tạm giam là 03 tháng 17 ngày). Ngày 29/6/2017, bị cáo được đưa đi bắt buộc chữa bệnh nội trú tại Viện Pháp y tâm thần trung ương J cho đến ngày 26/7/2019 bị cáo ra viện (thời gian bắt buộc chữa bệnh là 24 tháng 27 ngày). Như vậy, cộng thời gian tạm giam với thời gian bắt buộc chữa bệnh là 28 tháng 14 ngày. Căn cứ vào Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1999, thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Do đó, thời gian bị cáo đã bị tạm giam và thời gian bị cáo bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

[5] Về dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền 119.000.000 đồng và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ** vào điểm e khoản 2 Điều 139, Điều 13, Điều 43, Điều 44 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điểm b, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015. Điều 306 Bộ luật tố tụng hình sự.

* **Tuyên bố:** Bị cáo Hồ Lương A phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

* **Xử phạt:** Bị cáo Hồ Lương A 28 (hai mươi tám) tháng và 14 (mười bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam 11 tháng 3 năm 2017. Do thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam cộng với thời gian bị cáo bị bắt buộc chữa bệnh nên bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của bị cáo, người liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Của bị hại là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kiều Thu

Đỗ Văn Hòa

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND TP PT;
- Cơ quan điều tra PT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phong Lan

- Cơ quan THAHS PT;
- Cơ quan THADS PT;
- UBND Hưng Long/Phong Nẫm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiên I

Nguyễn Thị Viết Sáu

Phạm Phong Lan

